

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

**Ghi chú:**

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

| Quy định tại Quy chế hiện hành  | Nội dung đề nghị sửa đổi  | Lý do sửa đổi                      |
|---|---|------------------------------------|
| (Ban hành kèm theo Nghị quyết số <u>...../NQ/ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2020</u> của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh ) | (Ban hành kèm theo Nghị quyết số <u>...../NQ/ĐHĐCĐ ngày .. tháng .. năm 2021</u> của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh)  | Cập nhật thời gian sửa đổi Quy chế |
|   | <p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số <u>155/2020/NĐ-CP</u> ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi</i></p> |                                    |

|   |  |                                  |
|---|--|----------------------------------|
|   | <p><i>hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số <u>155/2020/NĐ-CP</u> ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...</i></p> |                                  |
| <b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>   | <b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>  |                                  |
| <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p><b>1. <u>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng theo quy định của:</u></b></p> <p><b>a) <u>Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p> <p><b>b) <u>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;</u></b></p> <p><b>c) <u>Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;</u></b></p> <p><b>d) <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b>e) <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn về một số điều của</u></b></p> | <p><i>Chuyển nội dung này lên trên, trước phần Chương I</i></p>  | <p>Cập nhật căn cứ pháp luật</p> |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p><b><u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>f) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm diễn ra ngày 16 tháng 4 năm 2018</u></b></p>   |   |   |
| <p>2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các người điều hành khác của Công ty; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Đồng thời Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.</p> | <p><b><i>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</i></b></p> <p><b><i>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</i></b></p> | <p>Viết theo Điều 1 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |
| <p>3. Đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Cổ đông;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c) Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>d) Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty.</p>  | <p><b><i>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.</i></b></p>   | <p>Viết theo Điều 1 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

| <b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b>  | <b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b>  |  |
|--|--|--|
| <p>Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p>  | <p>Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p>  |  |
| <p>1. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.</p>  | <p>2. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p>  |  |
| <p>3. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký</p>   | <p>3. Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký;</p>   |  |
| <p>4. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p>  | <p><b>4. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b></p>  | <p>Cập nhật Luật doanh nghiệp mới</p>      |
| <p>5. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>                 | <p><b>5. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p>  | <p>Cập nhật Luật chứng khoán mới</p>       |
| <p>6. . "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> | <p>6. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> |  |
|  | <p><b>7. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng</b></p>            | <p>Bổ sung giải thích cho một số thuật</p> |

|  |   |   |
|--|---|---|
|  | <b><i>Giám đốc, Kế toán trưởng.</i></b>   | ngữ theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Luật Chứng khoán                                     |
| 7. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. | <b><i>8. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</i></b>   | Cập nhật theo Luật mới  |
| 8. "Cán bộ quản lý khác" là các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm như Trưởng, Phó Phòng ban nghiệp vụ; Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất.           | 9. "Cán bộ quản lý khác" là các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm như Trưởng, Phó Phòng ban nghiệp vụ; Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất.  | Thay đổi thứ tự trong điều 2 của Quy chế  |
|  | <b><i>10. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</i></b><br><br><b><i>11. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.</i></b> | Bổ sung giải thích cho một số thuật ngữ theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Luật Chứng khoán |
| 10. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán, cụ thể                   | <b><i>12. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; cụ thể như sau:</i></b>   | Cập nhật giải thích cho một số thuật ngữ theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp                            |

|  |   |                                    |
|--|---|------------------------------------|
| <p>như sau:</p> <p><i>Định nghĩa “Người có liên quan” theo Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p>“Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;</p> <p>b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;</p> <p>c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;</p> <p>d) Người quản lý doanh nghiệp;</p> <p>đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của nhân viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;</p> <p>g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này</p> | <p><b>- Định nghĩa “Người có liên quan” theo Luật doanh nghiệp:</b></p> <p><i>Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;</i></p> <p><i>b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;</i></p> <p><i>c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;</i></p> <p><i>d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;</i></p> <p><i>đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</i></p> <p><i>e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;</i></p> <p><i>g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.</i></p> | <p>và Điều 40 Luật Chứng khoán</p> |
|--|---|------------------------------------|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p><i>có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;</i></p> <p><i>h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.”</i></p> <p><i>- Định nghĩa “Người có liên quan” theo Luật Chứng khoán:</i></p> <p><i>“Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;</i></p> <p><i>b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;</i></p> <p><i>c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó</i></p> <p><i>d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;</i></p> <p><i>đ) Công ty mẹ, công ty con;</i></p> | <p><b><i>- Định nghĩa “Người có liên quan” theo Luật Chứng khoán:</i></b></p> <p><b><i>Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:</i></b></p> <p><b><i>a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;</i></b></p> <p><b><i>b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;</i></b></p> <p><b><i>c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;</i></b></p> <p><b><i>d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;</i></b></p> <p><b><i>đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;</i></b></p> <p><i>e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;</i></p> <p><b><i>g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></b></p> |  |
|---|---|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| e) <i>Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.</i>   |   |  |
|  | <p><b>13. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.</b></p> <p><b>14. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.</b></p>  | Bổ sung giải thích cho một số thuật ngữ theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Luật Chứng khoán  |
| 11. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán, cụ thể như sau: "Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành"      | <b>15. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.</b>   | Cập nhật giải thích cho một số thuật ngữ theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Luật Chứng khoán |
| 12. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;   | <b>16. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</b>  | Thay đổi thứ tự  |
| 13. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không | <b>17. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được</b> | Thay đổi thứ tự  |

|   |   |   |
|---|---|---|
| ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.   | định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.   |   |
|   | <b>CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>   |   |
| <b><u>Không có</u></b>  | <b><i>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</i></b>  | Trình bày theo bố cục tại điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC, từng khoản tại điều 2 nêu trên tương ứng với từng mục tại cột (2) |
| <b><u>Điều 3. Quyền và và nghĩa vụ của cổ đông</u></b>  | <b>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</b>  |   |
| <p>1. Cổ đông phổ thông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 114, Điều 115 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:</p> <p>a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các</p> | <b><i>Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ công ty và Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật doanh nghiệp.</i></b> | Tóm gọn do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;</p> <p>d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.</p> |  |  |
| <p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.</p>   |  |  |
| <p><b><u>Điều 4.</u> Trách nhiệm của cổ đông lớn</b></p>   | <p><b>Điều 4.Trách nhiệm của cổ đông lớn</b></p> |  |

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p>Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.</p> <p>Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>   | <p>Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.</p> <p>Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p> |   |
| <p><b>Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>   | <p><b>Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>   |   |
| <p><b>Điều 5. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông</b></p>  | <p><b>Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b></p>   |   |
| <p><b>1. Trình tự tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp</b></p> <p>a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Điều 12 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</u></li> <li>- <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></li> <li>- <u>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn</u></li> </ul> | <p><b>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Điều 13 Điều lệ Công ty.</b></p>  | <p>Điều 13 Điều lệ đã quy định chi tiết =&gt; không đề cập lại tại Quy chế QTNB</p> |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p><u>số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p><u>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</u></p> <p><u>- Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p> <p><u>- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật</u></p> |   |   |
| <p>Không có</p>  | <p><b>2. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ</b></p> | <p>Viết theo khoản 10 Điều 20 Phụ lục I – Điều lệ mẫu</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   | <i>đồng tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> | Thông tư<br>96/2020/TT-BTC   |
|   | <b>Điều 6. <i>Lập</i> danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội <i>đồng</i> cổ đông</b>   | Điều chỉnh bố cục trình bày theo Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| <p>b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</li> <li>- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</li> <li>- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</li> <li>- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</li> <li>- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</li> <li>- Các công việc khác phục vụ đại hội.</li> </ul> | Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo khoản 2 điều 17 Điều lệ công ty.  |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể chỉ định Người phụ trách công bố thông tin của Công ty thực hiện các thủ tục thông báo về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật. | Bỏ  | Bỏ do đã có các điều khác nêu cụ thể (Điều 17 Điều lệ)   |
| <b><u>Không có</u></b>   | Điều 7. <i>Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</i>   |  |
|  | <i>Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.</i>   | Cập nhật/ Chính sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| <b><u>Không có</u></b>   | Điều 8. <i>Chương trình, nội dung Đại hội</i>   |  |
|  | <p><i>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.</i></p> | Bổ sung theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC             |

|  |   |  |
|--|---|--|
|  | <b><i>Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</i></b>  | Bổ sung theo bố cục Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC             |
|  | <b><i>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.</i></b> |  |
|  | <b><i>Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</i></b>   | Bổ sung nội dung điểm g khoản 2 điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| <p><b><i>3. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i></b></p> <p>a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Công ty phải thực hiện việc đăng ký đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết.</p> | <b><i>Thủ tục đăng ký dự họp cho cổ đông được tiến hành theo Điều 19 Điều lệ công ty.</i></b>   |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|  | <b>Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>   |  |
| <p>b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, sau đó người triệu tập cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu quy định tại khoản 2 Điều 14<sup>2</sup> Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</li> <li>- Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</li> <li>- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</li> <li>- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số</li> </ul> | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số phiếu biểu quyết, sau đó ban tổ chức cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu quy định tại khoản 2 Điều 14<sup>6</sup> Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty.</li> <li>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ <b>điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này</b>, Hội đồng quản trị phải triệu tập lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.</li> </ol> | Tóm gọn do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p>người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;.</p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp đại hội lần thứ hai (2) không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> |   |   |
|  | <p><b><i>Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i></b></p> | <p>Chỉnh sửa bố cục theo Phụ lục II –</p> |

|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC    |
|  | <i>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</i>   |   |
|  | <i>Điều 13. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu</i>   |   |
| <p>c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu/giơ thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thu/giơ thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Việc thực hiện biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 2, 3, 4, 5 Điều 8 Quy chế này và theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>d) Sau khi Đại hội đồng cổ đông thực hiện biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;</p> | <p><i>1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</i></p> <p><i>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế bầu cử tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các phiếu bầu cử này cũng sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</i></p> | <p>Trình bày theo điểm k khoản 2 điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|  |   |  |
|--|---|--|
|  | <b><i>Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i></b>   | Trình bày theo điểm m khoản 2 điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC |
|  | <b><i>Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</i></b>   |  |
|  | Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu<br>Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa <b><i>hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu</i></b> công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.   | Trình bày theo điểm n khoản 2 điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC |
|  | <b><i>Điều 16. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i></b><br><br><b><i>Trong trường hợp Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 20 Điều lệ công ty.</i></b> | Trình bày theo điểm o khoản 2 điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC |
|  | <b><i>Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</i></b><br><br><b><i>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản</i></b>  |  |

|   |  |   |
|---|--|---|
|   | <b>3 Điều 22 Điều lệ Công ty.</b>  |   |
| e) Thư ký Đại hội chuẩn bị dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo kết quả biểu quyết tại cuộc họp và cung cấp dự thảo đó cho Chủ tọa để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 10 Quy chế này; | <b>Điều 18. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b><br><br><b>Việc công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 3, 5 điều 22 Điều lệ công ty.</b> | Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty |
|   | <b>Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b><br><br><b>Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</b>                    | Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty |
| f) Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông.  |  |   |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p><b>Điều 6. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ ra quyết định chọn ngày đăng ký cuối cùng về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội. Quyết định này được lập thành văn bản và thông báo cho người phụ trách công bố thông tin. Người phụ trách công bố thông tin có trách nhiệm đăng tải thông báo thông tin này đến cổ đông và các cơ quan liên quan khác (Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán) theo các quy định của pháp luật.</p> <p><b>Thông tin về việc lập danh sách cổ đông</b> có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> | <p><i><b>Đã đề cập tại điều 5 và điều 6 cột (2)</b></i></p>                 | <p>Nội dung này đã được quy định chi tiết tại điều 6, điều 7 cột (2) =&gt; Đề xuất ko nhắc lại nữa</p> |
| <p><b>Điều 7. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>  |   |  |
| <p>1. Vào ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Ban tổ chức đại hội chỉ định một số người vào Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>  | <p><i><b>Đã đề cập và viết chi tiết tại khoản 2 điều 10 cột (2)</b></i></p> | <p>Đã đề cập chi tiết tại điều 10 cột (2) =&gt; Đề xuất ko đề cập lại nữa</p>                          |

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p>Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần xuất trình như sau:</p> <p>a) Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông;</p> <p>b) Trong trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp thì phải xuất trình: Giấy ủy quyền và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được ủy quyền và bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của người ủy quyền.</p> |  |   |
| <p>2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu khác, trong đó:</p> <p>a) <b>Thẻ biểu quyết có ghi</b> thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông cùng các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông;</p> <p>b) <b>Phiếu Biểu quyết</b> có ghi thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại</p>  | <p><i><b>Đã đề cập tại khoản 3 điều 10 cột (2)</b></i></p> | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|   |   |   |
|---|---|---|
| <p>diện được ủy quyền của cổ đông cùng, danh mục các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông;</p> <p>c) <b>Phiếu bầu cử có</b> ghi thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông, tổng số lượng phiếu bầu, danh mục các ứng viên trong danh sách được bầu cử và các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông.</p> |   |   |
| <b>Điều 8. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông</b>   |   |   |
| <p>1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.</p> <p>2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung đưa ra trước Đại hội:</p> <p>a) Tán thành với nội dung vừa được trình;</p> <p>b) Không tán thành với nội dung vừa được trình;</p> <p>c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.</p>  | <b><i>Đã đề cập lại điều 13 cột (2)</i></b> | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p>3. Phương thức biểu quyết:</p> <p>a) Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại đại hội bằng Thẻ biểu quyết, mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết với phương án tán thành/không tán thành/không có ý kiến với nội dung vừa được trình bày thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao.</p> <p>b) Phương thức thu “Phiếu biểu quyết: Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi nội dung trên Phiếu biểu quyết có ba (03) ô trống thể hiện nội dung Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ được lựa chọn một (01) trong ba (03) ô trên để thể hiện ý kiến. Những trường hợp lựa chọn từ hai (02) ý kiến trở lên trong cùng một vấn đề lấy ý kiến là không hợp lệ. Sau đó các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông lần lượt bỏ phiếu của mình vào thùng phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm phiếu.</p> |  |   |
| <p>4. Phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, bầu Kiểm soát viên:</p> <p>Phương thức nộp: “Phiếu bầu cử”: mỗi cổ đông, đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị (hoặc của Ban Kiểm soát). Khi đó, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông ghi số</p>  | <p><b><i>Đã đề cập khoản 5 điều 13 cột (2)</i></b></p> | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| phiếu biểu quyết ứng với mỗi ứng viên có trong phiếu bầu cử và nộp về Ban Kiểm phiếu.   |  |  |
| <p>5. Tính hợp lệ của Thẻ Biểu quyết, Phiếu bầu cử:</p> <p>a) Về hình thức: Thẻ, Phiếu hợp lệ là Thẻ, Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông, được viết bằng bút mực, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.</p> <p>b) Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ đông, đại diện ủy quyền phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu.</li> <li>- Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông trong phiếu bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.</li> <li>- Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.</li> </ul> | <b><i>Đã đề cập và tóm gọn tại khoản 3 điều 14 cột (2)</i></b> | Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| 6. Thẻ thức tiến hành biểu quyết và bầu cử phải tuân thủ theo các quy định trong Điều 18, Điều 19, Điều 20 Điều lệ Công ty; trong Quy chế bầu cử, Quy chế biểu quyết được thông qua tại Đại hội.  | <b>Đã đề cập tại điều 13 cột (2)</b>                           |  |

|   |   |   |
|---|---|---|
| <p>7. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử</p> <p>a) Trước khi đại hội tiến hành biểu quyết và bầu cử, Chủ tọa cuộc họp trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Công ty.</p> <p>b) Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ tiến hành ghi nhận kết quả biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, kết quả kiểm phiếu bầu cử. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p><b>Đã đề cập tại điều 14 cột (2)</b></p> |   |
| <p>8. Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử</p> <p>a) Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử</p> <p>Sau khi tiến hành ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử thì kết quả đó phải được thông báo ngay cho Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Biên bản kiểm phiếu:</p> <p>Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập ra và có đầy đủ tất cả các thông tin sau:</p>  | <p><b>Đã đề cập tại điều 16 cột (2)</b></p> | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|  |  |   |
|--|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Các thành viên trong Ban kiểm phiếu;</li> <li>- Tất cả các nội dung biểu quyết/bầu cử theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Thời gian kết thúc kiểm phiếu;</li> <li>- Chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.</li> </ul>  |  |   |
| <b>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty</b>   | <i><b>Đã đề cập và chỉnh sửa tại điều 17 cột (2)</b></i> |   |
| <p>Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được <b>gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày</b>, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải <b>mua lại cổ phần</b> theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc</p> |  | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|  |                                      |  |
|--|--------------------------------------|--|
| quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng  |                                      |  |
| <b>Điều 10. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b>  | <b>Đã đề cập tại Điều 15 cột (2)</b> |  |
| 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.   |                                      |  |
| <p>2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> |                                      |  |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;</p> <p>i) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>  |   |   |
| <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đại diện <b>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;</p> <p>b) Đối với nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; tổ chức lại; giải thể Công ty; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; giao dịch mua, bán tài sản do Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán thì phải được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện ít</p> | <p><b><i>Đã đề cập và tóm gọn tại điều 15 cột (2)</i></b></p> | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;</p> <p>c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p> |  |  |
| <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin</p>  |  |  |

|  |  |   |
|--|--|---|
| điện tử của Công ty.   |  |   |
| <p>5. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <b><i>Chuyển xuống điều 21 cột (2)</i></b>             | <p>Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |
| <p>6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>  |  |   |
| <b>Điều 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>  | <b><i>Đã đề cập và tóm tắt tại điều 18 cột (2)</i></b> |   |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi lại toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản cuộc họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</li> <li>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</li> <li>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp;</li> <li>g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> <li>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu</li> </ul> |  |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p><b>3.</b> Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ký tên vào biên bản và liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công</p> |  |  |
|--|--|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p><b>Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trang thông tin điện tử của Công ty;</li> <li>b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;</li> <li>c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</li> </ul> <p>2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p> <p>3. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p> <p>4. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> | <p><i>Đã đề cập tại điều 19 cột (2)</i></p> |  |
|--|---|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
|   | <b>Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b>  | Chỉnh sửa theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| <b>Khoản 5 Điều 10 cột (1):</b><br>Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | <b>Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b><br><b>1. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Công ty.</b><br><b>2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</b> |  |
|   | <b>Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</b>  | Bổ sung theo bố cục của Điều 2 Phụ lục II – Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC   |

|  |   |  |
|--|---|--|
|  | <p><b>Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</b></p> <p><b>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</b><br/> <b>Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 13 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p><b>a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</b></p> <p><b>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm</b></p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p><i>mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được tham dự và biểu quyết theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 19 Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p><i>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p><i>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành tương tự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tại khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu</i></p> <p><i>a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</i></p> <p><i>b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ</i></p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p><i>phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</i></p> <p><i>c. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</i></p> <p><b>7. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</i></p> <p><b>8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</b></p> <p><i>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.</i></p> <p><b>9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 20 Điều lệ công ty.</i></p> |  |
|--|--|--|

|   |   |   |
|---|---|---|
|   | <p><b>10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 22 Điều lệ công ty.</i></p> <p><b>11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.</i></p> <p><b>12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</i></p> |   |
| <b>CHƯƠNG III: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b> | <b>CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  |   |
|   | <b>Mục 1: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b>  | Bổ sung theo khoản 1 Điều 3 Phụ lục II – Thông tư 116/2020/TT-                  |
|   | <p><b>Điều 22. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực</b></p>  | Tổng hợp từ các nội dung: khoản 1, khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 277 |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p><i>hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị:</i></p> <p><i>Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 26 Điều lệ Công ty.</i></p> | <p>Nghị định<br/>155/2020/NĐ-CP</p>  |
|  | <p><b>Điều 23.</b><i>Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 7 Điều 26 Điều lệ công ty.</i></p>  | <p>Bổ sung theo Điều<br/>277 Nghị định<br/>155/2020/NĐ-CP</p>              |
|  | <p><b>Điều 24.</b><i>Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị</i></p> <p><i>Các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3 điều 28 Điều lệ công ty.</i></p>  | <p>Đã được quy định<br/>chi tiết trong Điều<br/>lệ Công ty</p>             |
|  | <p><b>Điều 25.</b><i>Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</i></p> <p><i>Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều</i></p>                 | <p>Bổ sung theo bộ<br/>cục Phụ lục II<br/>Thông tư<br/>116/2020/TT-BTC</p> |

|   |  |   |
|---|--|---|
|   | <b>28 Điều lệ Công ty.</b>   |   |
|   | <b>Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b>   |   |
| <b>Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị</b>  | <b>Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b>  |   |
| 1. Số lượng thành viên là năm (5) đến bảy (7) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.   | <b>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 25 Điều lệ công ty.</b>   | Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty   |
| 2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:<br>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định như sau:<br>- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của | <b>Điều 27. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b><br><br><b>1. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành theo khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty.</b><br><br><b>2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b><br><br><b>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty.</b><br><br><b>4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị:</b> | Bổ sung theo khoản 2 Điều 276 NB 155/2020/NĐ-CP<br><br>Viết theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p>pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;</li> <li>- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;</li> <li>- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;</li> <li>- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.</li> </ul> <p>b) Có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty;</p> | <p><b><i>Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1, 2 điều 28 Điều lệ công ty.</i></b></p> | <p>Theo khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Khoản 2 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP</p> |
|--|---|---|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>c) Là cá nhân sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hay trong ngành, nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất năm (5) năm tính đến ngày ứng cử, đề cử;</p> <p>d) Các điều kiện khác theo Quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Đến thời điểm quy định tại khoản này có hiệu lực, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty và phải được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm chấp thuận.</p> <p>4. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2019, thành viên Hội đồng quản trị của một (01) công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị quá năm (05) tại công ty khác. Trước thời điểm quy định tại khoản này có hiệu lực, thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</p> |   |  |
| <p><b>Điều 14. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p>  | <p>Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên <i>Hội đồng quản trị</i></p>   |  |
| <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và</p>   | <p><i>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong điều 24 Điều lệ công ty.</i></p> | <p>Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ học vấn;</li> <li>c) Trình độ chuyên môn;</li> <li>d) Quá trình công tác;</li> <li>e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</li> <li>f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>i) Các thông tin khác (nếu có).</li> </ul> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp</p> |  |  |
|---|--|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> |   |  |
| <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.</p>   | <p><b>2. Cách thức giới thiệu thêm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị <b>đương nhiệm</b> có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ công ty.</p> |  |
| <p><b>Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị</b></p>   | <p><b>Điều 29.</b> Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>   |  |
| <p>1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ</p>   | <p><b>Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo khoản 4 điều 20 Điều lệ công ty.</b></p>  | <p>Tóm gọn lại do đã được quy định chi</p> |

|   |  |                                   |
|---|--|-----------------------------------|
| <p>Công ty. Cụ thể:</p> <p>a) Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.</li> <li>- Phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.</li> <li>- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.</li> </ul> <p>b) Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo tổng số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị quy định.</li> <li>- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa</li> </ul> |  | <p>tiết trong Điều lệ Công ty</p> |
|---|--|-----------------------------------|

|  |  |   |
|--|--|---|
| chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.   |  |   |
| <p>2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, số thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như tại khoản 1 Điều 15 Quy chế này.</p> <p>b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên mới hoặc thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.</p> | <b>Bổ</b>  | Đây là nội dung về triệu tập họp ĐHĐCD                                      |
| <b>Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b>  | <b>Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b>  |   |
| <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 24 Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp</p>   | <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị <b>bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp tại khoản 5, khoản 6 Điều 25 Điều lệ công ty.</b></p> <p>2. <b>Nội dung biểu quyết về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của</b></p> | Cập nhật và tóm gọn cho phù hợp với khoản 1 điều 160 Luật doanh nghiệp 2021 |

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p>cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ rằng người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p> | <p><i>tất cả cổ đông dự họp tán thành.</i></p> | <p>Điểm a khoản 2 Điều 160 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung chi tiết về tỷ lệ thông qua miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT</p> |
| <p>2. Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:</p> <p>a) Bị Tòa án tuyên bố hoặc có những bằng chứng chuyên môn đáng tin cậy chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Hội đồng quản trị ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp quy định tại Điểm</p>   |  |   |

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p>b, d Khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn, bãi nhiệm đối với các trường hợp khác.</p>  |  |   |
| <p><b>Điều 17. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên các phương tiện thông tin đại chúng theo các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.</p> | <p><b>Điều 31.</b> Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên các phương tiện thông tin đại chúng theo các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán.</p>                | <p>Bổ sung quy định về công bố thông tin phù hợp với Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>  |
|  | <p><b>Điều 32. <i>Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</i></b></p> <p><b><i>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ công ty.</i></b></p> <p><b><i>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay</i></b></p> | <p>Bổ sung quy định về bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty</p> |

|   |   |   |
|---|---|---|
|   | <i>thể trong thời hạn mười (10) ngày.</i>   |   |
|   | <i>Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</i>  | Bổ sung theo khoản 3 điều 3 Phụ lục II – Thông tư 116/2020/TT-BTC |
|   | <p><i>Điều 33. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</i></p> |   |
| <b>Chương IV. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</b>   | <i>Mục 4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</i>   |   |
| <b>Điều 18. Triệu tập họp Hội đồng quản trị</b>   | <i>Điều 34. Triệu tập họp Hội đồng quản trị</i>   |   |
| <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo</p> | <i>Việc triệu tập họp Hội đồng quản trị đã được quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.</i>   | Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty                   |

|  |  |  |
|--|--|--|
| nguyên tắc đa số.  |  |  |
| <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>   |  |  |
| <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</li> <li>b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>c) Ban kiểm soát.</li> <li>d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</li> </ul> |  |  |
| <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp</p>   |  |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. |  |  |
| 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.   |  |  |
|  | <b>Điều 35.      <i>Thông báo và chuẩn bị nội dung họp</i></b>   | Trình bày phù hợp theo Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC     |
| 6. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí nhân sự trong Công ty đảm nhiệm việc chuẩn bị và gửi thông báo họp theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.                                      | <b><i>1. Thông báo và nội dung họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 29 Điều lệ công ty.</i></b><br><b><i>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</i></b> | Tóm gọn lại do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty |
| <b>Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b>   |  |  |

|   |                  |  |
|---|------------------|--|
| <p>1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</li> <li>- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Ban kiểm soát.</li> </ul> <p>- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội</p> | <p><b>Bổ</b></p> | <p>Giống nội dung điều 36, điều 35 cột (2)</p> |
|---|------------------|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty</p> <p>2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.</p>   |  |  |
|  | <p><b>Điều 36. Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>  | Tách thành một điều riêng                                      |
| <p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> | <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định theo điều kiện tại Khoản 9 Điều 29 Điều lệ công ty.</p> <p><b>2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 10 Điều 29 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị, việc này được quy định tại khoản 11 điều 29 Điều lệ công ty.</b></p> |  |
| <p>4. Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu</p>  | <p><b>Điều 37. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>1. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 15, Khoản 17 Điều 29 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax,</b></p>  | Tóm gọn lại do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty |

|   |                            |  |
|---|----------------------------|--|
| <p>quyết thông qua các nội dung của cuộc họp bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>  | <p><i>thư điện tử.</i></p> |  |
| <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội</p> |                            |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p>  |  |  |
| <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó được quy định:</p> <p><b><u>- Đối với mỗi hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</u></b></p> <p><b><u>- Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã</u></b></p> |  |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p><u>thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu còn lại tán thành;</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u></p> |  |  |
| <p>5. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là</p>   |  |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| phiếu quyết định  |   |  |
| <p>6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. <b><u>Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.</u></b></p> |   |  |
| <p>8. <b><u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></b></p> <p><b><u>a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></b></p>   | <b><i>Bổ do đã quy định tại khoản 4 Điều 37 cột (2)</i></b> |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p><b><u>b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></b></p> <p><b><u>9. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</u></b></p> <p><b><u>10. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></b></p> |  |  |
| <p>12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>   |  |  |
| <p><b>Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị</b></p>   | <p><b><i>Đã được đề cập và chỉnh sửa tại Điều 36 cột (2)</i></b></p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được Giấy mời họp và tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của những cá nhân ở khoản 6 Điều 18 Quy chế này có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty.</p> <p>4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.</p> |  |  |
| <p><b><i>Điều 21. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị</i></b></p>   | <p><b><i>Đã quy định tại khoản 3 Điều 37 cột (2)</i></b></p> |  |
| <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội</p>   |  |  |

|   |  |   |
|---|--|---|
| <p>đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.</p>   |  |   |
| <p><b>Điều 22. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị</b></p>  | <p><b>Điều 38. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị</b></p>   |   |
| <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.</p> <p>2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> | <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 19 Điều 29 Điều lệ công ty.</p> |   |
| <p><b>Điều 23. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải</p>   | <p><b>Điều 39. <i>Biên bản họp Hội đồng quản trị</i></b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi</p>                    | <p>Tóm gọn lại do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ</p> |

|   |   |                |
|---|---|----------------|
| <p>được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.</p> <p>c) Thời gian, địa điểm họp.</p> <p>d) Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.</p> <p>e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp</p> <p>f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.</p> <p>g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua.</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản <b><u>hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u></b></p> <p>2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung</p> | <p>biên bản <b><i>và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác</i></b>. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt <b><i>và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài</i></b>, có các nội dung <b><i>theo Khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty</i></b>.</p> <p>2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản</p> | <p>Công ty</p> |
|---|---|----------------|

|  |  |  |
|--|--|--|
| biên bản họp Hội đồng quản trị.  | họp Hội đồng quản trị.   |  |
| 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.   | 3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.   |  |
| 3. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất 10 năm.<br>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị bố trí nhân sự trong Công ty chịu trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt). Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. | 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty trong thời hạn ít nhất 10 năm.<br>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị bố trí nhân sự trong Công ty chịu trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt). Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. |  |
| <b>Điều 24. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị</b>  | <b>Điều 40. <i>Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị</i></b>  |  |
| Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ công ty, cho các cơ quan hữu quan, trên trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng theo trình tự và quy định của pháp luật  | Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, <b><i>trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán</i></b> theo trình tự và quy định của hiện hành.   |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. |   |  |
|   | <b>Mục 5. Người phụ trách quản trị công ty</b>  | Bổ sung theo khoản 7 điều 3 Phụ lục II – Thông tư 116/2020/TT-BTC  |
|   | <p><b>Điều 41. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p><b>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p><b>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo khoản 2 Điều 31 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định theo khoản 4 Điều 31 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>4. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp Khoản 3 Điều 31 Điều lệ công ty.</b></p> <p><b>5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b></p> | <p>Viết theo điều 281 NB 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Tóm gọn một số khoản do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty</p> |

|  |   |   |
|--|---|---|
| Chương V. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên | <b><i>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT</i></b>  |   |
| Không có   | <b><i>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</i></b>   | Bổ sung theo khoản 1 Điều 4 TT 116/2020/TT-BTC  |
| Không có   | <b><i>Điều 42. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</i></b>   | Bổ sung theo khoản 1 Điều 4 TT 116/2020/TT-BTC  |
|  | <b><i>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 điều 38 Điều lệ công ty.</i></b>  | Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty |
|  | <b><i>Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</i></b><br><br><b><i>1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.</i></b><br><br><b><i>2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa</i></b> | Bổ sung theo Điều 287 NB 155/2020/NĐ-CP         |

|  |   |  |
|--|---|--|
|  | <p><i>vụ được giao.</i></p> <p><b>3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.</b></p>  |  |
|  | <p><b>Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</b></p>  |  |
| <b>Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</b>  | <b>Điều 44. Thành phần Ban kiểm soát</b>  |  |
| <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>  | <p><b>Thành phần ban kiểm soát được quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty.</b></p>   | <p>Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty</p>     |
| <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:</p> <p>a) Kiểm soát viên phải từ hai mươi một (21) tuổi trở lên, trình độ tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;</li> <li>• Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha</li> </ul> | <p><b>Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><b>Thành viên Ban kiểm soát phải đảm ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 36 Điều lệ công ty.</b></p> | <p>Cập nhật và bổ sung theo điều 169 Luật doanh nghiệp</p> |

|  |                  |   |
|--|------------------|---|
| <p>nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</li> <li>• Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty;</li> </ul> <p>Kiểm soát viên không được thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.</li> <li>- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</li> </ul> |                  |   |
| <p><b><u>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u></b></p>   | <p><b>Bổ</b></p> | <p>đã quy định tại khoản 2 điều 48 cột (2) và Luật doanh nghiệp không quy định trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên chuyên</p> |

|  |  | <b>nghiệp và làm<br/>việc chuyên trách.</b>                       |
|--|--|---|
| <p><b>Điều 26. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ học vấn;</li> <li>c) Trình độ chuyên môn;</li> <li>d) Quá trình công tác;</li> <li>e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác;</li> <li>f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;</li> <li>g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử</li> </ul> | <p><b>Điều 46. <i>Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</i></b></p> <p><b><i>Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 35 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.</i></b></p> | <p>Tóm gọn do đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty</p> |

|   |  |   |
|---|--|---|
| <p>ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i) Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.</p> |  |   |
| <p><b>Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên</b></p>   | <p><b><i>Điều 47. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát</i></b></p>   |   |
| <p>1. Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:</p> <p>a) Nguyên tắc bầu Kiểm soát viên tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Việc bầu thành viên Kiểm soát viên được thực</p>  | <p><b><i>1. Cách thức biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty.</i></b></p> <p><b><i>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</i></b></p> | <p>Tóm gọn do đã được quy định chi tiết tại điều lệ công ty</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>hiện tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát.</li> <li>- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.</li> </ul> <p>b) Nguyên tắc trúng cử Kiểm soát viên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo tổng số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số Kiểm soát viên quy định.</li> </ul> <p>Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.</p> <p>2. Bổ sung Kiểm soát viên</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số Kiểm</p> |  |  |
|---|--|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>soát viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung Kiểm soát viên. Nguyên tắc bầu bổ sung Kiểm soát viên được thực hiện như tại khoản 1 Điều này.</p> <p>b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên mới hoặc thay thế cho Kiểm Soát viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.</p> |   |  |
| <b>Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>  | <b>Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>   |  |
| <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 34 lệ Công ty và quy định của pháp luật,</p>           | <p><i>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được quy định trong khoản 4, 5 điều 36 Điều lệ công ty.</i></p> | <p>Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty</p> |
| <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>  |   |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Kiểm soát viên đương nhiệm và bầu Kiểm soát viên mới thay thế;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác quy định tại khoản 5 Điều 34 lệ Công ty và quy định của pháp luật,</p> |   |  |
| <p><b>Điều 29. Thông báo thay đổi, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên</b></p>  | <p><b>Điều 49. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <i>thành viên Ban kiểm soát</i></b></p>  |  |
| <p>Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát trên các phương tiện thông tin đại chúng theo các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.</p>   | <p>Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát theo các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> |  |

|  |  |   |
|--|--|---|
| Không có   | <b>Điều 50. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát</b>  |   |
|  | <b>Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp.</b>  | Bổ sung theo điểm g khoản 2 điều 4 phục lục II TT 116/2020/TT-BTC |
| <b>CHƯƠNG VI: Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp; lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>   | <b>CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH</b>   |   |
| <p><b>Điều 30. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Hệ thống quản lý điều hành của Công ty phải đảm bảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p> <p>2. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh <u>điều hành</u> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>3. Các cán bộ quản lý khác của Công ty bao gồm Trưởng, Phó phòng ban nghiệp vụ, Quản đốc, Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất... do <u>Tổng Giám đốc</u> bổ nhiệm <u>theo đúng</u> với phương án cơ cấu tổ chức mà Tổng Giám đốc đã kiến nghị với Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có toàn quyền giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý khác.</p> | <p><b>Điều 51. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh <b>quản lý</b> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>2. Hệ thống quản lý điều hành của Công ty phải đảm bảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p> |   |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p><b>Điều 31. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác;</li> <li>- Các tiêu chuẩn khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.</li> </ul>  | <p><b>Điều 52. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc và người điều hành khác <i>được quy định tại khoản 3, khoản 4 điều 34 Điều lệ công ty.</i></p> | <p>Đã được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty</p> |
| <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;</p> <p>b) Là người có trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn ứng với từng vị trí công việc cụ thể; là người có tinh thần trách nhiệm cao, có sự cẩn thận cần thiết để quản lý, điều hành các hoạt động được giao phó phụ trách và đạt được các mục tiêu đề ra;</p> <p>c) Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quy định và theo các văn bản pháp luật khác liên quan.</p> |  |  |
| <p><b>Điều 32. Bỏ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b></p>  | <p><b>Điều 53. <i>Việc bỏ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</i></b></p>   |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm cho vị trí Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành khác trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu trong quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>3. Khi người điều hành doanh nghiệp kết thúc thời hạn giữ chức vụ, Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng. Các yếu tố để Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;</li> <li>- Phẩm chất đạo đức tốt;</li> <li>- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách</li> </ul> | <p><b><i>Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo điều 34 Điều lệ Công ty.</i></b></p> |  |
|---|--|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>Nhà nước và các quy định của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;</li> <li>- Được cán bộ, nhân viên trong đơn vị tín nhiệm;</li> <li>- Các yếu tố khác do Hội đồng quản trị đề ra.</li> </ul>   |   |  |
| <p><b>Điều 33. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp của Công ty, Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp đó. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với người điều hành khác và cán bộ quản lý khác theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.</p> |   |  |
| <p><b>Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người điều hành doanh nghiệp</b></p>   | <p><b>Điều 54.</b> <i>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</i></p> |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
|   |   |  |
| <p>1. Người điều hành doanh nghiệp xin từ nhiệm phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ nhiệm. Trong thời gian chưa có ý kiến của Hội đồng quản trị thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đơn từ chức của người đó;</li> <li>- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;</li> <li>- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</li> </ul> <p>b) Các trường hợp bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt</li> </ul> | <p><b><i>Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp tại khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 34 Điều lệ công ty.</i></b></p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>hợp đồng lao động;</p> <p>- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.</p>  |   |  |
| <b>Điều 35: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>  | Điều 55. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm <i>người điều hành doanh nghiệp</i>  |  |
| <p>Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> | <p><i>Sau khi có quyết định</i> bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc <i>cách chức người quản lý</i>, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và <i>trang công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán</i> theo trình tự và quy định của pháp luật.</p> |  |
| <b>CHƯƠNG VI: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</b>  | <b>CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA <i>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</i></b>  |  |
|  | <b>Điều 56. <i>Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động</i></b>  |  |
|  | <i>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc làm việc trên nguyên tắc phối hợp theo Điều 44 Điều lệ công ty.</i>  |  |
| <b>Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</b>  | <b>Điều 57. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</b>   |  |
| 1. Hội đồng quản trị mời đại diện Ban Kiểm soát  | <i>Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và</i>  |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm Tổng Giám đốc và một số người điều hành doanh nghiệp khác khi cần thiết. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm bố trí Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành khác có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.</p> <p>2. Tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.</p> <p>3. Tại các cuộc họp của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp khác tham dự các cuộc họp của Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi</p> | <p><b><i>Tổng Giám đốc được thực hiện theo qui định tại điều 45 Điều lệ Công ty.</i></b></p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>cuộc họp kết thúc.</p> <p><b>4.</b> Việc triệu tập, thông báo mời họp, biên bản họp và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>   |  |  |
| <b>Điều 37. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</b>  | <b>Điều 58. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</b>  |  |
| <p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên, nghị quyết, biên bản họp và các tài liệu kèm theo trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty và theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.</p> | <i>Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát được thực hiện theo qui định tại điều 46 Điều lệ Công ty.</i> |  |
| <b>Điều 38. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc</b>   | <b>Điều 59. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc</b>   |  |
| <p>1. Tổng Giám đốc phải báo cáo các vấn đề sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</p> <p>a) Kết quả thực hiện các nghị quyết và kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra;</p>   | <i>Báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc được thực hiện theo qui định tại điều 47 Điều lệ Công ty.</i>   |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính của Công ty, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm) và báo cáo khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>c) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>d) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các thành viên của Ban Tổng Giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và</p> |  |  |
|---|--|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>quyền hạn được giao.</p> <p><b>3.</b> Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền, của Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phải gửi đến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát một (01) bản để báo cáo.</p>  |   |  |
| <p><b>Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</b></p>  | <p><b>Điều 60. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</b></p>  |  |
| <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, theo kế hoạch hành động chung của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả, thuận lợi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các công việc kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty theo các chiến lược, mục tiêu, kế hoạch phát triển đã được Đại hội</p> | <p><i><b>Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo qui định tại điều 48 điều lệ Công ty.</b></i></p> |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục, hiệu quả. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty hoặc các nội dung cần ý kiến của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần phê duyệt và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>5. Ban Kiểm soát thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đưa ra kết luận bằng văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (trong vòng không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra) để Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có thêm cơ sở hoàn thiện công tác điều hành kinh doanh, công tác quản lý Công ty.</p> |   |  |
|   | <p><b><i>CHƯƠNG VII – ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</i></b></p> |  |
| <p><b>Điều 40. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp</b></p>  | <p><b>Điều 61.</b> Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp</p>  |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>1. Phương thức đánh giá</p> <p>Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tự nhận xét, đánh giá;</li> <li>b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;</li> <li>c) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm..</li> </ul> <p>2. Tiêu chí đánh giá</p> <p>a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên. Việc đánh giá hoạt động được thực hiện định kỳ, sáu (06) tháng và hàng năm.</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ</p> | <p><i>Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp thực hiện theo Điều 49 Điều lệ công ty.</i></p> |  |
| <p>3. Khen thưởng, kỷ luật:</p>   | <p>Điều 62. Khen thưởng, kỷ luật:</p>   |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>a) Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>b) Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.</p> <p>c) Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.</p> | Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện quyết định khen thưởng theo quy định tại Điều 50 Điều lệ công ty.   |  |
| <b>CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b>   | <b>CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b>   |  |
| <b>Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích</b>   | <b>Điều 63. Trách nhiệm của người điều hành doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích</b>   |  |
| Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc phải có các trách nhiệm cần trọng, trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan khác.  | Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc phải có các trách nhiệm cần trọng, trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định tại <b>Điều 41, Điều 42, Điều 43</b> Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan khác. |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <b>Điều 42. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b>  | <b>Điều 64. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b>  |  |
| Các giao dịch về cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác. | Các giao dịch về cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác.   |  |
|   | <b><i>CHƯƠNG IX. CÔNG BỐ THÔNG TIN</i></b>  | Bổ sung theo bộ<br>cục Phụ lục II<br>Thông tư<br>116/2020/TT-BTC |
|   | <b><i>Điều 65. Nghĩa vụ công bố thông tin</i></b><br><br><b><i>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông, Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước.</i></b><br><br><b><i>Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</i></b> |  |

|  |  |                                    |
|--|--|------------------------------------|
| <b>Chương IX. <u>Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</u></b>  | <b>CHƯƠNG IX: <i>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</i></b>   |                                    |
| <b>Điều 43. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</b>   | <b>Điều 66. <i>Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty</i></b>  |                                    |
| <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ do Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong những trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ hoặc bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p> | <p><i>1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i></p> <p><i>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.</i></p>   |                                    |
| <b>Chương X. Ngày hiệu lực</b>   | <b>Điều 67. <i>Hiệu lực thi hành</i></b>   |                                    |
| <p>1. Bản Quy chế này gồm 10 Chương, 44 Điều và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua <b><u>ngày 16/4/2018.</u></b></p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng</p>  | <p>1. Quy chế này gồm <b><i>09 chương, 68</i></b> Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh thống nhất thông qua <b><i>ngày ... tháng ... năm 2021</i></b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><b><i>3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công</i></b></p> | Cập nhật thời gian sửa đổi Quy chế |

|   |  |  |
|---|--|--|
| quản trị.   | <i>ty cổ phần Xích líp Đông Anh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</i> |  |
| <i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</i> |  |  |